

Bản án số: **03/2018/DS-ST**

Ngày: 16/01/2018

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Bá Thành

2. Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST - DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2017/QĐST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Nguyên Q** - Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số nhà 277, tổ dân phố 10, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Nơi làm việc: Công ty cổ phần C, huyện M, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ trụ sở: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên –Vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Dương Thị H** - Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số nhà 113, tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017, tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Nguyên Q trình bày:

Ngày 10/12/2016 bà Dương Thị H (vợ cũ của ông Q) có vay của ông Q số

tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) với mức lãi suất 1%/ tháng và hẹn đến ngày 10/01/2017 sẽ trả cả gốc và lãi với lý do bà H vay trả nợ ngân hàng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H ra làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Nhưng đến ngày 10/01/2017 ông Q hỏi để lấy số tiền cho bà H vay nhưng bà H khất lần và từ đó tới nay ông Q hỏi rất nhiều lần nhưng lần nào bà H cũng khất lần và không chịu trả cho ông Q. Vì vậy nay ông Q yêu cầu bà H phải trả cho ông Q số tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi suất **theo thỏa thuận giữa ông Q, bà H là 1%/tháng kể từ ngày 10/12/2016 đến 10/01/2017 và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/01/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (16/01/2018).**

Tại bản tự khai đề ngày 28/6/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2017 bị đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có vay của ông Q 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền mặt, thời hạn vay từ 10/12/2016 với lãi suất 1%/tháng nhưng từ đó đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn bà H chưa có ngay để trả cho ông Q, nay ông Q có đơn yêu cầu bà H trả số tiền trên và lãi, bà H hoàn toàn đồng ý với đơn yêu cầu khởi kiện của ông Q. Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bà H trong vụ án yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận về tài sản vô hiệu một phần và chia tài sản sau khi ly hôn đã được Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thụ lý (theo thông báo thụ lý vụ án số: 123/TB-TLVA ngày 16/6/2017) theo đơn khởi kiện của bà H, bà H đề nghị Tòa án nhập hai vụ án thành một vụ án dân sự để giải quyết vì yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu khởi kiện của ông Q trong hai vụ án này có nội dung liên quan đến nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét đã thực đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, quy định mức lãi suất do các bên thỏa thuận không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố. Giấy cho vay tiền thỏa thuận từ ngày 10/12/2016 đến ngày 10/01/2017, 01 tháng, mức lãi suất 1%/tháng; Tiền gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi: 5.000.000 đồng; Tổng tiền nợ 505.000.000 đồng.

- Theo quy định mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010, 9,0%/ năm (0,75%/ tháng). Từ ngày 11/01/2017 đến 09/7/2017 là 06 tháng (180 ngày): Tiền gốc 505.000.000 đồng; tiền lãi: 22.725.000 đồng; Tổng tiền nợ: 527.725.000 đồng.

- Theo quy định số 1425 ngày 07/7/2017 của NHNN quy định mức lãi tối đa 6,5%/năm, hiệu lực từ 10/7/2017, (lãi suất theo tháng 0,54%/tháng), Vậy từ ngày ngày 10/7/2017 đến ngày xét xử (16/01/2018) là 06 tháng 11 ngày (191 ngày): Tiền gốc: 527.725.000 đồng; Tiền lãi: 18.143.185 đồng. Tổng số tiền bà H phải trả ông Q là 545.868.185 đồng.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị, Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 68 BLTTDS.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 471, 472, 473, khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 271, 273 BLDS năm 2015; Điều 227, Điều 238, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLTTDS năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Nguyên Q, buộc bà Dương Thị H phải trả cho ông Q số tiền 545.868.185 đồng.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.834.727 đồng (trong đó: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng; 145.868.185 x 4% = 5.834.727 đồng); Hoàn trả lại cho ông Bùi Nguyên Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông Bùi Nguyên Q và bà Dương Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn không đến tham gia phiên tòa. Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/01/2018. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Q, bà H không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của bà Dương Thị H về việc nhập vụ án: Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2017 bà H đề nghị để đảm bảo quyền lợi cho bà H trong vụ án yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận về tài sản vô hiệu một phần và chia tài sản sau khi ly hôn theo thông báo thụ lý vụ án số: 123/TB-TLVA ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, bà H đề nghị Tòa án nhập hai vụ án (Vụ

án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2017/TLST - DS ngày ngày 19/5/2017 vào vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 123/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/6/2017) thành một vụ án dân sự để giải quyết vì yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu khởi kiện của ông Q trong hai vụ án này có nội dung liên quan đến nhau. Vì vậy, ngày 24/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định nhập vụ án dân sự số: 02/2017/QĐNVA - DS nhập vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2017/TLST - DS ngày 19/5/2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” (giữa nguyên đơn ông Bùi Nguyên Q và bị đơn Bà Dương Thị H) vào vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/6/2017 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận về tài sản vô hiệu một phần, Chia tài sản chung sau khi ly hôn và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” (giữa nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn ông Bùi Nguyên Q).

Ngày 21/11/2017 bà Dương Thị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận về tài sản vô hiệu một phần, chia tài sản chung sau khi ly hôn trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2017 và rút toàn bộ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/10/2017 (tại Hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/6/2017). Ngày 22/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ ra quyết định đình chỉ (số: 07/2017/QĐST - HNGĐ) đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của bà H.

Ngày 12/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ ra quyết định chuyển sổ thụ lý vụ án (Hôn nhân gia đình) thụ lý số: 123/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/6/2017 theo Quyết định nhập vụ án số: 02/2017/QĐNVA - DS ngày 24/7/2017 sang sổ thụ lý án dân sự tranh chấp để giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời xóa tên vụ án này trong sổ thụ lý án hôn nhân gia đình; sổ thụ lý mới trong sổ thụ lý vụ án dân sự sau khi chuyển sổ là: 24/2017/TLST - DS ngày 12 tháng 12 năm 2017.

[2] Về nội dung:

Theo giấy cho vay tiền ngày 09/12/2016 thì bà H có vay của ông Q số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) với lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng và bà H hẹn đến ngày 10/01/2017 bà H sẽ trả cho ông Q số tiền trên, nhưng sau đó bà H không trả nợ cho ông Q theo đúng thời hạn đã thỏa thuận ở trên. Vì vậy nay ông Q yêu cầu bà H phải trả cho ông Q số tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi suất **theo thỏa thuận giữa ông Q, bà H là 1%/tháng kể từ ngày 10/12/2016 đến 10/01/2017 và** lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/01/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (16/01/2018). Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà H hoàn toàn thừa nhận có vay của ông Q số tiền trên với lãi suất như hai bên thỏa thuận là 1%/tháng **kể từ ngày 01/12/2016 đến 10/01/2017** nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà H chưa có ngay để trả cho ông Q.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q và buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất của số tiền gốc tại các

thời điểm như sau:

* Đối với lãi suất của số tiền 500.000.000 đồng kể từ ngày 10/12/2016 đến ngày 10/01/2017 là 1 tháng: Tại giấy cho vay tiền ngày 09/12/2016 các bên đương sự thỏa thuận lãi suất cho vay 1%/tháng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều luật quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Vì vậy số tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000 đồng kể từ ngày 10/12/2016 đến ngày 10/01/2017 sẽ là: 500.000.000 đồng x 1%/tháng = 5.000.000 đồng. Tổng cộng bà H nợ ông Q cả gốc và lãi là: 505.000.000 đồng.

* Đối với lãi suất chậm trả của số tiền 505.000.000 đồng: Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0,75%/ tháng; 0,025%/ngày) thì tiền lãi kể từ ngày 11/01/2017 đến ngày 09/7/2017 là 06 tháng (180 ngày): 505.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 6 tháng (180 ngày) = 22.725.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi và gốc tính đến ngày 09/7/2017 là: 527.725.000 đồng.

* Đối với lãi suất chậm trả của số tiền 527.725.000 đồng: Theo Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 10/7/2017 là 6,5%/năm (0,54%/tháng; 0,018%/ngày) thì tiền lãi kể từ ngày 10/7/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (16/01/2018) là 06 tháng 11 ngày (191 ngày): 527.725.000 đồng x 0,54%/tháng x 6 tháng 11 ngày (191 ngày) = 18.143.185 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bà H phải có trách nhiệm trả cho ông Q là: **545.868.185 đồng** (Năm trăm bốn mươi bốn năm triệu, tám trăm sáu tám nghìn, một trăm tám lăm đồng).

[3] **Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Nguyên Q được chấp nhận nên ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Dương Thị H phải chịu **25.834.727 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (trong đó: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng và 145.868.185 đồng x 4% = 5.834.727 đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 472, 473 khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Nguyên Q.

2. Buộc bà Dương Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Bùi Nguyên Q **500.000.000 đồng** tiền gốc và **45.868.185 đồng** tiền lãi. Tổng số tiền gốc và lãi bà H phải có trách nhiệm trả cho ông Q là: **545.868.185 đồng** (*Năm trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm sáu tám nghìn, một trăm tám lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (ông Bùi Nguyên Q) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bà Dương Thị H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Bùi Nguyên Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Nguyên Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0001400 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Buộc bà Dương Thị H phải chịu **25.834.727 đồng** (*Hai mươi năm triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự (ông Bùi Nguyên Q, bà Dương Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Tuyền

